

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiền

- Ông Huỳnh Khắc Chung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp LHB, xã BL, huyện CT, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Thành Nh, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã MT N, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/4/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày: Chị với anh Ngô Thành Nh kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Con chung: có 02 đứa tên Ngô Thành L, sinh ngày 08/12/2009 và Ngô Quốc Li, sinh ngày 08/7/2014. Tài sản chung và nợ chung: đều không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Cho chị được ly hôn với anh Nh. Con chung: chị xin được nuôi hết 02 đứa, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ/con.

Tại tờ tự khai ngày 11/4/2018 và ý kiến tại phiên hòa giải ngày 08/5/2018, bị đơn anh Ngô Thành Nh trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giống như lời trình bày của chị Đ là đúng. Bản thân anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Đ khởi kiện ly hôn bị đơn anh Ngô Thành Nh theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn anh Ngô Thành Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Ngô Thành Nh thì thấy rằng: Chị Đ và anh Nh tự tìm hiểu quen biết với nhau, sau đó tổ chức kết hôn và có đăng ký kết hôn, đồng thời được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển 01, ngày nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nh không đồng ý ly hôn với chị Đ vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, còn chị Đ cương quyết xin được ly hôn với anh Nh vì cho rằng anh Nh ham mê cờ bạc không quan tâm vợ con, và hiện tại chị không còn tình cảm yêu thương anh Nh nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh Nh đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị Đ và anh Nh trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng bắt đầu tháng từ 11/2017 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay. Mặc dù, đã được Tòa án động viên, phân tích, hòa giải nhưng anh chị vẫn không đoàn tụ, bản thân anh Nh cũng không đưa ra được biện pháp nào thiết thực để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh Nh thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy, chị Đ và anh Nh đều có yêu cầu nuôi hết hai con chung là các trẻ Ngô Thành L, sinh ngày 08/12/2009 và Ngô Quốc Li, sinh ngày 08/7/2014 nhưng xét thấy từ khi chị Đ và anh Nh sống ly thân đến nay các con chung đều do chị Đ nuôi dưỡng ổn định, trẻ có nguyện vọng xin được sống chung với mẹ; Đồng thời, tuy chị Đ và anh Nh đều có chứng cứ chứng minh có thu nhập đủ để nuôi con chung nhưng thấy rằng hiện tại chị Đ có cửa tiệm buôn bán, trong khi anh Nh làm công Nhân nên hạn chế hơn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do vậy giao các con chung cho chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị Đ yêu cầu anh Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 800.000đ/1con chung là phù hợp với quy định tại Điều các Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Nh trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, còn anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nên đều phải chịu án phí sơ

thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ. Cho chị Trần Thị Đ. được ly hôn anh Ngô Thành Nh.

2 - Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Ngô Thành L, sinh ngày 08/12/2009 và Ngô Quốc Li, sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị Đ. nuôi dưỡng. Buộc anh Ngô Thành Nh phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ. mỗi tháng 800.000đ/1 con, thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Anh Nh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3 - Về án phí:

+ Chị Trần Thị Đ. phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15460 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

+ Anh Ngô Thành Nh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Thành Nam, LC, TG
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan